

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ~~1593~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giữ lại tiếp tục sử dụng đối với từng cơ sở nhà, đất
của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND
thành phố Quảng Ngãi (đợt 1) đã được phê duyệt phương án xử lý**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ
về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Nghị định số 67/2021/NĐ-CP
ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử
lý tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ
quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ
quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự
nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP
ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý,
sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ trưởng Bộ
Tài chính hướng dẫn một số nội dung về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy
định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng
nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 22 ban hành Quy định về phân cấp quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ngãi;*

*Căn cứ Quyết định số 722/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của Chủ tịch
UBND tỉnh về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ*

quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Quảng Ngãi theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ (đợt 1);

Theo đề nghị của UBND thành phố Quảng Ngãi tại Công văn số 2691/UBND-XD ngày 06/7/2021 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2831/STC-QLGCS ngày 22/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giữ lại tiếp tục sử dụng đối với 426 cơ sở nhà, đất của 113 cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND thành phố Quảng Ngãi (Chi tiết theo phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố Quảng Ngãi chịu trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở nhà, đất tại Điều 1 Quyết định này:

a) Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng các cơ sở nhà, đất được giao đúng mục đích và quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của đơn vị theo Điều 101, 102, 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ (đối với các trường hợp phải xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 100 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP); thực hiện việc hạch toán, cập nhật biến động về nhà, đất vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị xác định giá trị quyền sử dụng đất để hạch toán vào giá trị tài sản theo quy định.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục về đất đai, tài sản đảm bảo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, NNTN, CNXD, CBTH;
- Lưu: VT, KT. an380



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Phiên

Phụ lục

**DANH MỤC CƠ SỞ NHÀ ĐẤT CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
THỰC PHẠM VỤ QUẢN LÝ CỦA UBND THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 04/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)**

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Đất	Diện tích (m ²)		Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
			Nhà	Diện tích xây dựng				
			4a	4b				
1	CƠ QUAN NHÀ NƯỚC	10.207,1	5.075,3	12.106,5	5	6	7	9
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	851,6	495,9	912,9				
1	Trụ sở tại số 135 Trương Quang Trọng	611,6	303,4	606,9	Giấy CNQSDĐ số 089595 ngày 15/4/2014 QĐ số 1600/QĐ-UBND ngày 30/10/2011 của UBND tỉnh, QĐ số 1431/QĐ-UBND ngày 05/4/2019 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Trụ sở tại số 131 Trương Quang Trọng	240,0	192,5	306,0		Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Phòng Quản lý đô thị	406,5	380,2	893,1	Giấy CNQSDĐ số BA 849454 ngày 11/01/2011; QĐ số 531/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Trụ sở tại số 327-329 Nguyễn Nghiêm	144,9	144,9	426,5	QĐ số 8625/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
3	Phòng Kinh tế	203,7	203,7	427,7				
1	Trụ sở tại số 264 Nguyễn Nghiêm	203,7	203,7	427,7	QĐ số 1198/QĐ-UBND ngày 10/4/2006 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
4	Phòng Văn hóa và Thông tin	489,3	356,7	751,5				
1	Trụ sở tại số 04 Phan Chu Trinh	330,3	266,7	571,5	Giấy CNQSDĐ số 010557 ngày 25/01/2005	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Dị tích lịch sử Nhà tù thời Mỹ - Ngụy tại số 71 Hùng Vương	159,0	90,0	180,0	QĐ số 1255/QĐ-UBND ngày 04/9/2014; QĐ số 203/QĐ-UBND ngày 02/10/2012 của UBND tỉnh	Dị tích lịch sử	Đang sử dụng	
5	Văn phòng thành phố	4.451,4	1.659,3	3.465,9				
1	Trụ sở UBND thành phố tại số 48 Hùng Vương	3.441,5	1.131,6	2.309,4	Giấy CNQSDĐ số CT 04306 ngày 09/01/2014	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Trung tâm hành chính công thành phố tại số 258 Trương Quang Trọng	933,2	450,97	1.079,9	Giấy CNQSDĐ số CT 086643 ngày 19/12/2016	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
3	Trụ sở làm việc Hội Luật gia thành phố tại số 66A Phan Đình Phùng	76,7	76,7	76,7	QĐ số 1618/QĐ-UBND ngày 16/4/2019 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
6	Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội	146,8	146,8	404,5				
1	Trụ sở tại số 116 Phan Đình Phùng	146,8	146,8	404,5	QĐ số 5511/QĐ-UBND ngày 23/11/2010 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
7	Phòng Tài chính - Kế hoạch	244,5	244,5	489,0				

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng	Nhà				
1	2	3	4a	4b		5	6	7	9
1	Trụ sở tại số 17 Hùng Vương	244,5	244,5	489,0		Giấy CNQSDĐ số CB090003 ngày 28/01/2016	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
8	Hội Chữ thập đỏ	609,96	323,80	971,40					
1	Trụ sở tại số 20 Phạm Xuân Hòa	609,96	323,80	971,40		QĐ số 5911/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
9	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	785,00	230,70	436,26					
1	Trụ sở tại số 62 Phan Đình Phùng	785,0	230,7	436,3		Giấy CNQSDĐ số BK 646240 ngày 16/7/2012	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
10	Thành Đoàn	1.809,70	825,00	3.145,50					
1	Trụ sở tại số 97 Nguyễn Tự Tân	1.809,7	825,0	3.145,5		Giấy CNQSDĐ số BC 287906 ngày 30/7/2010	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
11	Hội Người cao tuổi	90,97	90,97	91,00					
1	Trụ sở tại số 53 Phan Chu Trinh	90,97	90,97	91,00		QĐ số 6790/QĐ-UBND ngày 30/12/2010	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
12	Hội Đồng ý	57,72	57,72	57,72					
1	Trụ sở tại số 66 Phan Đình Phùng	57,7	57,7	57,7		QĐ số 1151/QĐ-UBND ngày 05/10/2005 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
13	Hội Nạn nhân chất độc da cam/Dioxin	60,00	60,00	60,00					
1	Trụ sở tại số 66 Phan Đình Phùng	60,0	60,0	60,0		Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
II	ĐƠN VI SỰ NGHIỆP	27.200,4	10.565,7	30.059,3					
1	Trung tâm bồi dưỡng chính trị	4.609,60	360,00	578,00					
1	Trụ sở tại số 236 Võ Thị Sáu	4.609,6	360,0	578,0		Giấy CNQSDĐ số 795021 ngày 21/12/2016	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Ban Quản lý dự án Dầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất	2.463,0	1.056,0	2.487,7					
1	Trụ sở tại số 62 Phạm Văn Đồng	475,0	247,9	779,4		Giấy CNQSDĐ số 451737 ngày 11/01/2007	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Trụ sở tại số 09 Cao Bá Quát	475,0	475,0	765,0		QĐ số 834/QĐ-UBND ngày 21/3/2014 của UBND TP; QĐ số 3020/QĐ-UBND ngày 09/9/2020 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
3	Trụ sở tại thôn Quyết Thắng, phường Trương Quang Trọng	1.513,0	333,1	943,3		QĐ số 1887/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh; QĐ số 9714/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
3	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa - Thể thao	7.390,6	955,0	1.625,0					
1	Trụ sở tại số 239 Võ Thị Sáu	3.000,0	670,0	1.340,0		Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Nhà Lễ tân Quảng Trường	4.390,6	285,0	285,0		Biên bản bàn giao ngày 26/8/2010	Cơ sở hoạt động VH-TT-TDTT	Đang sử dụng	
4	Chi cục thống kê	122,9	53,1	112,3					
1	Trụ sở tại số 492 Quang Trung	122,9	53,1	112,3		Giấy CNQSDĐ ngày 25/01/2005; QĐ số 938/QĐ-UBND ngày 05/7/2013 của UBND tỉnh; QĐ số 852/QĐ-UBND ngày 11/3/2008 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng				
			Diện tích xây dựng						
1		2	3	4a	4b	5	6	7	9
5	Đội Quản lý trật tự đô thị		625,0	201,3	603,9				
1	Trụ sở tại số 161 Đường 30/4		625,0	201,3	603,9	Biên bản kiểm tra đo đạc hiện trạng ngày 18/10/2013, Giấy phép xây dựng số 07/GPXD-CP ngày 16/3/2011	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
6	Trung tâm Dân số KHH GD		259,6	259,6	487,0				
1	Trụ sở tại số 448 Quang Trung		259,6	259,6	487,0	QĐ số 938/QĐ-UBND ngày 05/7/2013 của UBND tỉnh	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
7	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp		136,7	136,7	273,4				
1	Trụ sở tại số 271 Nguyễn Nghiêm		136,7	136,7	273,4	Giấy CNQSDĐ số BR 089885 ngày 09/01/2014	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
8	Ban Quản lý Chợ Quảng Ngãi		11.593,0	7.544,0	23.892,0				
1	Chợ Quảng Ngãi tại đường Nguyễn Nghiêm, TP. Quảng Ngãi		5.849,0	4.060,0	13.314,0	QĐ số 2384/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh	Đất chợ	Đang sử dụng	
2	Chợ Tươi sống thành phố Quảng Ngãi tại đường Ngõ Quyền, TP. Quảng Ngãi		5.744,0	3.484,0	10.578,0	QĐ số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2021 của UBND TP	Đất chợ	Đang sử dụng	
III	CƠ SỞ DO UBND THÀNH PHỐ QUẢN LÝ		19.301,2	414,1	954,4				
1	Đội thuế Chợ Quảng Ngãi tại số 05 Duy Tân		36,8	36,8	141,1	QĐ số 4992/QĐ-UBND ngày 06/12/2011 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Chợ Nghĩa Lộ tại phường Nghĩa Lộ		4.569,5	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất chợ	Đang sử dụng	
3	Nhà vệ sinh công cộng thành phố tại phường Nguyễn Nghiêm		159,3	159,3	159,3	QĐ số 5406/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND TP	Đất công trình công cộng	Đang sử dụng	
4	Sân vận động cũ của UBND huyện Sơn Tịnh tại phường Trương Quang Trọng		14.264,4	0,0	0,0	QĐ số 603/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
5	Cơ sở nhà, đất tại số 402 đường Nguyễn Nghiêm		271,2	218,0	654,0	QĐ số 1875/QĐ-UBND ngày 11/12/2020 của UBND tỉnh	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
IV	UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG		401.981,5	50.026,9	66.098,9				
1	UBND Phường Chánh Lộ		13.489,2	2.546,2	3.283,2				
1	Trụ sở UBND phường tại số 146 Lê Lợi		2.023,0	368,5	1.105,5	Giấy CNQSDĐ số CD 044649 ngày 09/8/2016	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 1		648,6	60,0	60,0				
			732,1	60,0	60,0				
			329,1	120,0	120,0				
3	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 2		474,9	92,0	92,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
			396,3	89,0	89,0				
4	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 3		523,8	95,0	95,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng				
1	2	3	4a	4b		5	6	7	9
5	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 4	579,3 429,8 89,9 491,7	98,0 92,0 68,0 98,0	98,0 92,0 68,0 98,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 5	1.789,1 509,1	115,0 89,0	115,0 89,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 6	440,6 559,7	89,0 98,0	89,0 98,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 7	484,6	98,0	98,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 8	654,4	103,0	103,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao tại Tổ 1, phường Chánh Lộ	2.229,0	609,5	609,5		Giấy CNQSDĐ số BK 569018 ngày 09/11/2012	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
11	Hội đặc thù phường Chánh Lộ, số 20 Lê Lợi	104,2	104,2	104,2		Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	UBND Phường Nghĩa Lộ	10.724,1	2.227,8	2.630,8		Giấy CNQSDĐ số U 721277 ngày 12/7/2002; Giấy CNQSDĐ số 010554 ngày 25/01/2005	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
1	Trụ sở Đảng ủy, UBND phường, tổ 10 phường Nghĩa Lộ	2.562,85	997,0	1.400,0					
2	Nhà văn hóa Tổ 19 phường Nghĩa Lộ	815,0	117,0	117,0		Giấy CNQSDĐ số BR 089519 ngày 10/3/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
3	Nhà văn hóa Tổ 17 phường Nghĩa Lộ	620,0	104,0	104,0		Giấy CNQSDĐ số BR 089572 ngày 01/4/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Nhà văn hóa Tổ 06 phường Nghĩa Lộ	428,4	92,0	92,0		Giấy CNQSDĐ số BK 646205 ngày 16/7/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà văn hóa Tổ 05 phường Nghĩa Lộ	572,7	110,0	110,0		Giấy CNQSDĐ số BK 646204 ngày 16/7/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Nhà văn hóa tổ 15-16 tại Tổ 15 phường Nghĩa Lộ	466,3	112,0	112,0		Giấy CNQSDĐ số CG 865784 ngày 08/5/2017	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Trung tâm văn hóa phường, Tổ 15 phường Nghĩa Lộ	2.271,4	300,0	300,0		Giấy CNQSDĐ số CG 865785 ngày 08/5/2017	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
8	Nhà văn hóa Tổ 21 phường Nghĩa Lộ	575,5	85,2	85,2		QĐ số 8109/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Nhà văn hóa Tổ 12 phường Nghĩa Lộ	253,2	102,0	102,0		QĐ số 5508/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	Nhà văn hóa Tổ 11 phường Nghĩa Lộ	232,9	103,6	103,6		QĐ số 134/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
11	Nhà văn hóa tổ 1-2 phường Nghĩa Lộ	1.925,8	105,0	105,0		QĐ số 5562/QĐ-UBND ngày 18/12/2015 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
3	UBND phường Nghĩa Chánh	13.172,1	4.017,5	6.790,5					
1	Trụ sở UBND phường tại số 244 Nguyễn Du	1.442,0	1.386,0	4.159,0		Giấy CNQSDĐ số AG 451778 ngày 22/3/2007	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 01 tại số 173 Bích Khê	635,2	91,4	91,4		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng				
			Diện tích xây dựng						
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9	
3	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 02 Hẻm 197 Bích Khê	349,6	102,0	102,0	Giấy CNQSDĐ số BR 047725 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
4	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 03 Hẻm 02 Đinh Tiên Hoàng	790,0	91,0	91,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
5	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 04 Đường Kim Đồng	419,5	89,5	89,5	Giấy CNQSDĐ số BE 059185 ngày 06/4/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 05 Đường Trà Bồng Khởi Nghĩa	338,1	82,0	82,0	Giấy CNQSDĐ số BR 047726 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 06 Hẻm 519/33 Quang Trung	234,0	91,5	91,5	Giấy CNQSDĐ số BR 047727 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
8	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 07 Lô 28 Khu dân cư Bàu Rượu	159,2	88,6	88,6	Giấy CNQSDĐ số BR 047728 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
9	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 08 Hẻm Đình Nhã	160,3	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
10	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 09 Đường Nguyễn Thiệu	336,0	91,0	91,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059812 ngày 09/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
11	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 10 Hẻm 98 Phạm Văn Đồng	680,0	80,0	80,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
12	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 11 Hẻm 1041 Quang Trung	473,0	98,5	98,5	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
13	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 12 Hẻm 1089 Quang Trung	100,0	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
14	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 13 Đường Trần Khánh Dư	158,8	81,0	81,0	Giấy CNQSDĐ số BR 047729 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
15	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 14 Hẻm Trần Thủ Độ	246,5	120,16	120,16	Giấy CNQSDĐ số BR 047730 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
16	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 15	377,3	91,0	91,0	Giấy CNQSDĐ số BR 047731 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
17	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 16	230,0	120,0	120,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
18	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 17	591,9	94,8	94,8	Giấy CNQSDĐ số BR 047732 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
19	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 18	198,7	82,5	82,5	Giấy CNQSDĐ số BR 047733 ngày 24/12/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
20	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 19	759,0	86,6	86,6	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
21	Trạm Y tế phường	293,0	200,0	200,0	Giấy CNQSDĐ số BC 387905 ngày 29/7/2010	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng		
22	Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường	4.200,0	650,0	650,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
4	UBND phường Trần Hưng Đạo	7.599,5	1.006,0	1.694,9					
1	UBND phường Trần Hưng Đạo (số 238 Phan Bội Châu)	1.649,1	379,1	1.068,0	Giấy CNQSDĐ số BK 569609 ngày 07/10/2013	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
2	Nhà văn hóa phường Trần Hưng Đạo (Hẻm 38 Phan Đình Phùng)	3.983,1	144,0	144,0	Giấy CNQSDĐ số CT 00089 ngày 17/8/2010	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sân sử dụng	Nhà				
1	2	3	4a	4b		5	6	7	9
3	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 01 tại hẻm 61 Võ Tùng	590,7	127,1	127,1		QĐ số 6955/QĐ-UBND ngày 06/11/2013 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 6, 7, 8 tại 26 Ngô Quyền	176,0	114,7	114,7		QĐ số 4050/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 3 tại hẻm 09 Nguyễn Bá Loan	164,6	96,5	96,5		QĐ số 1590/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 4 tại 81 Nguyễn Tự Tân	52,4	52,4	52,4		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 5 tại hẻm 99 Nguyễn Tự Tân	345,9	92,2	92,2		QĐ số 1589/QĐ-UBND ngày 06/3/2017 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Trạm y tế phường Trần Hưng Đạo số 02 Ngô Quyền	637,7	0,0	0,0		Giấy CNQSDĐ số BE 059298 ngày 20/6/2011	Đất cơ sở y tế	Đang thi công xây dựng theo QĐ 7389/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	
5	UBND phường Trần Phú	5.685,2	1.921,3	2.466,7					
1	Trụ sở UBND phường, số 212 Hùng Vương	1.170,5	545,4	1.090,8		Giấy CNQSDĐ số T 00830 ngày 25/7/2007	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 1 phường Trần Phú	48,0	48,0	48,0		Giấy CNQSDĐ số T 01188 ngày 21/12/2008	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
3	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 2 phường Trần Phú	100,0	81,0	81,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 3 phường Trần Phú	260,4	52,0	52,0		Giấy CNQSDĐ số CT 09425 ngày 07/9/2017	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 4 phường Trần Phú	111,7	34,0	34,0		Giấy CNQSDĐ số T 01187 ngày 31/12/2008	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 5 phường Trần Phú	200,0	117,0	117,0		Giấy CNQSDĐ số CT 04466 ngày 10/3/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 06+08 tại Tổ 8 phường Trần Phú	889,9	100,0	100,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 7 phường Trần Phú	159,0	159,0	159,0		QĐ số 188/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 9+10 tại Tổ 10 phường Trần Phú	185,7	50,0	50,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 11 Tổ 11 phường Trần Phú	225,5	57,5	57,5		Giấy CNQSDĐ số T 01789 ngày 09/12/2009	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
11	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 12+13+14 tại Tổ 12 phường Trần Phú	132,2	100,0	100,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
12		733,0	120,0	120,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
13	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 18 phường Trần Phú	156,5	80,0	80,0		Giấy CNQSDĐ số CT 02613 ngày 10/10/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ³)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng				
			Diện tích xây dựng						
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9	
14	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 19 phường Trần Phú	164,0	60,0	60,0	Giấy CNQSDĐ số T 01142 ngày 10/8/2008	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
15	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 20 phường Trần Phú	610,8	60,0	60,0	Giấy CNQSDĐ số T 01141 ngày 08/10/2008	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
16	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 21 + 23 tại Tổ 21 phường Trần Phú	268,0	85,2	85,2	Giấy CNQSDĐ số T 00977 ngày 17/4/2008	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
17	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 22 phường Trần Phú	157,8	60,0	60,0	Giấy CNQSDĐ số CT 02485 ngày 26/8/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
18	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 24 phường Trần Phú	112,2	112,2	112,2	Giấy CNQSDĐ số CT 021121 ngày 02/4/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	UBND phường Lê Hồng Phong	7.473,8	2.277,0	3.452,0					
1	Trụ sở làm việc UBND phường, 08 Nguyễn Cư Trình	1.710,3	540,5	1.461,5	Giấy CNQSDĐ số AP 887099 ngày 01/6/2009	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
2	Ban bảo vệ dân phố phường (Áp), đường Hai Bà Trung	40,7	26,7	26,7	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
3	Nhà làm việc Ban bảo vệ dân phố phường, 161 Quang Trung	51,9	51,9	51,9	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
4	Trạm y tế phường, đường Nguyễn Cư Trình	504,0	140,0	140,0	Giấy CNQSDĐ số AI 776708 ngày 10/7/2007	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng		
5	Nhà làm việc Mặt trận và các Hội đoàn thể, đường Nguyễn Cư Trình	901,0	277,5	531,5	Giấy CNQSDĐ số BA 849408 ngày 06/10/2010	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	Điểm sinh hoạt văn hóa liên tổ 1+2, đường Võ Tùng	117,8	97,4	97,4	QĐ số 345/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 3, đường Trương Quang Trong	143,6	101,0	101,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
8	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 4, KDC Trương Quang Trong	102,4	87,9	87,9	QĐ số 542/QĐ-UBND ngày 24/02/2014 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
9	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 5, Đường Trương Quang Trong	161,6	88,0	88,0	QĐ số 7813/QĐ-UBND ngày 24/10/2017 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
10	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 7 tại Khu dân cư Bà Triệu	1.229,6	157,4	157,4	Giấy CNQSDĐ số BI 110873 ngày 12/4/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
11	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 8, đường Nguyễn Cư Trình	470,1	88,5	88,5	QĐ số 1756/QĐ-UBND ngày 22/02/2016 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
12	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 9 tại Khu dân cư Bắc Gò Đá	300,0	120,0	120,0	QĐ số 11210/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
13	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 10, đường Mạc Đình Chi	322,1	90,0	90,0	QĐ số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			Diện tích xây dựng	Diện tích sân sử dụng	Diện tích dùng				
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9	
14	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 11, đường Phan Bội Châu	892,5	94,0	94,0	QĐ số 3349/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
15	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 12 tại Khu dân cư Nam Gò Đá	300,0	90,0	90,0	QĐ số 3627/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
16	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 13, đường Hai Bà Trưng	83,0	83,0	83,0	QĐ số 3350/QĐ-UBND ngày 29/5/2012 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
17	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 14, đường Hai Bà Trưng	143,2	143,2	143,2	QĐ số 2047/QĐ-UBND ngày 17/3/2015 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	UBND phường Nguyễn Nghiêm	10.585,3	2.138,4	3.176,9					
1	Trụ sở UBND phường Nguyễn Nghiêm, số 310 Nguyễn Nghiêm	4.465,0	729,0	1.767,4	Giấy CNQSDĐ số X 120757 ngày 17/11/2003	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
2	Nhà sinh hoạt văn hóa phường + Điểm sinh hoạt tổ dân phố 1 và 2, số 28 Phạm Văn Đồng	890,0	600,0	600,0	Giấy CNQSDĐ số AL 343144 ngày 16/04/2008	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
3	Điểm sinh hoạt tổ dân phố 3, số 150 Lê Trung Đình	82,0	82,0	82,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
4	Điểm sinh hoạt tổ dân phố 5, 138/21 Lê Trung Đình	133,0	94,0	94,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
5	Điểm sinh hoạt tổ dân phố 6, số 14 Lê Khiết	53,0	53,0	53,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	Điểm sinh hoạt tổ dân phố 7, Hẻm 494 Quang Trung	185,0	150,0	150,0	Giấy CNQSDĐ BO số 515005 ngày 06/9/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	Điểm sinh hoạt tổ dân phố 8,9, Hẻm 279 Nguyễn Nghiêm	318,0	116,6	116,6	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
8	Điểm sinh hoạt tổ dân phố 10, Hẻm 63 Trần Hưng Đạo	211,0	90,0	90,0	Giấy CNQSDĐ số CR 754993 ngày 20/8/2019	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
9	Điểm sinh hoạt tổ dân phố 11, số 450 Nguyễn Nghiêm	90,7	90,7	90,7	Giấy CNQSDĐ số T 0519 ngày 07/12/2006	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
10	Điểm sinh hoạt tổ dân phố 13, Hẻm Phan Bội Châu	238,1	85,0	85,0	Giấy CNQSDĐ số AG 451660 ngày 20/11/2006	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
11	Vườn hoa sau phủ điều 68 liệt sỹ, Tổ 1 phường Nguyễn Nghiêm	893,0	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất ĐKV	Đang sử dụng		
12	Sân thể dục thể thao UBND phường, Tổ 2 phường Nguyễn Nghiêm	651,0	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng		
13	Sân tennis UBND phường Nguyễn Nghiêm, Tổ 3 phường Nguyễn Nghiêm	2.167,0	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng		
14	Đất nghĩa địa họ Phạm, Tổ 3 phường Nguyễn Nghiêm	160,4	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất NTD	Đang sử dụng		

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		5				
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9	
15	Miền làng phường Nguyễn Nghiêm, Tổ 3 phường Nguyễn Nghiêm	48,1	48,1	48,1	Không có hồ sơ	Đất TTN	Đang sử dụng		
8	UBND phường Quảng Phú	13.729,6	2.914,1	4.166,8					
1	Trụ sở làm việc UBND phường, số 140 Hoàng Văn Thụ	2.299,3	856,3	2.108,9	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
2	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 1+2+3 tại Tổ 2 phường Quảng Phú	1.199,9	115,5	115,5	Giấy CNQSDĐ số BR 047943 ngày 14/10/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
3	Điểm sinh hoạt văn hóa tổ 4+5 tại Tổ 5 phường Quảng Phú	365,6	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059814 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
4	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 6 phường Quảng Phú	345,0	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059815 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
5	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 7 phường Quảng Phú	538,0	124,4	124,4	Giấy CNQSDĐ số BE 059816 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 10 phường Quảng Phú	102,0	102,0	102,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059817 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 11 phường Quảng Phú	381,0	80,0	80,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059818 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
8	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 12 phường Quảng Phú	857,9	84,4	84,4	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
9	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 13 phường Quảng Phú	432,0	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059819 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
10	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 14 phường Quảng Phú	524,1	84,4	84,4	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
11	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 15 phường Quảng Phú	850,6	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059826 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
12	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 16 phường Quảng Phú	138,9	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
13	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 17 phường Quảng Phú	634,7	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059821 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
14	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 18 phường Quảng Phú	283,0	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059822 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
15	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 19 phường Quảng Phú	357,3	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số T01015 ngày 20/3/2008	Đất cơ sở GD-ĐT	Đang sử dụng		
16	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 20 phường Quảng Phú	588,0	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059823 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9
17	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 21 phường Quảng Phú	255,3	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059824 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
18	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 22 phường Quảng Phú	970,1	98,4	98,4	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
19	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 23 phường Quảng Phú	515,3	84,4	84,4	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
20	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 24 phường Quảng Phú	756,0	120,0	120,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059825 ngày 24/11/2011	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
21	Điểm sinh hoạt văn hóa Tổ 26 phường Quảng Phú	1.238,0	84,4	84,4	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
22	Cơ sở nhà, đất trước đây là Trường mẫu giáo tiểu thị trấn, số 193 Nguyễn Thụy	97,6	80,0	80,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
9	UBND phường Trương Quang Trọng	9.575,1	2.022,5	2.381,2				
1	Trụ sở UBND phường, số 282 Nguyễn Văn Linh, TDP Trường Thọ Tây B	1.160,0	872,0	1.230,7	Giấy CNQSDĐ số C 734229 ngày 10/12/1996	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Liên Hiệp 1A	1.148,4	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
3	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Liên Hiệp 1B	197,0	70,0	70,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Liên Hiệp 1C	564,0	55,5	55,5	Giấy CNQSDĐ số X 120169 ngày 01/4/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
5	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Liên Hiệp 2A	330,0	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số X 120165 ngày 01/4/2003	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Liên Hiệp 2B	227,3	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Liên Hiệp 2C	185,9	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Trường Thọ Đông A	1.998,0	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số T 00070 ngày 01/4/2003	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Trường Thọ Đông B	300,0	150,0	150,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Trường Thọ Tây B	260,0	85,0	85,0	Giấy CNQSDĐ số X 120167 ngày 01/4/2003	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
11	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Trường Thọ Tây C	252,0	90,0	90,0	Giấy CNQSDĐ số X 120167 ngày 01/4/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
12	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Quyết Thắng A	2.160,0	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
13	Điểm sinh hoạt Tổ dân phố Quyết Thắng B	792,5	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số X 120166 ngày 01/4/2003	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	UBND xã Nghĩa Dũng	15.369,7	1.848,0	2.381,2				
1	Trụ sở làm việc UBND xã, thôn 2 xã Nghĩa Dũng	7.168,0	711,2	1.244,3	Giấy CNQSDĐ số 010555 ngày 25/01/2005	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Điểm sinh hoạt văn hóa Thôn 1	850,7	100,6	100,6	Giấy CNQSDĐ số BH 717768 ngày 02/11/2006	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
3	Điểm sinh hoạt văn hóa Thôn 2	753,0	78,0	78,0	Giấy CNQSDĐ số BK 089889 ngày 02/01/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng				
			Diện tích xây dựng						
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9	
4	Điểm sinh hoạt văn hóa Thôn 3	1.127,0	144,0	144,0	Giấy CNQSDĐ số BR 089878 ngày 09/12/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
5	Điểm sinh hoạt văn hóa Thôn 4	610,0	102,0	102,0	Giấy CNQSDĐ số CD 044692 ngày 07/9/2016	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	Điểm sinh hoạt văn hóa Thôn 5	795,0	140,2	140,2	Giấy CNQSDĐ số BR 089890 ngày 09/01/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	Điểm sinh hoạt văn hóa Thôn 6	547,0	80,0	80,0	Giấy CNQSDĐ số BK 089891 ngày 09/01/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
8	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã tại Thôn 2, xã Nghĩa Dũng	3.519,0	492,0	492,0	Giấy CNQSDĐ số BR 089888 ngày 09/01/2014	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
11	UBND xã Nghĩa Dũng	19.621,6	1.871,7	2.081,8					
1	Trụ sở UBND xã, thôn 3 xã Nghĩa Dũng	3.030,0	557,6	768,1	Giấy CNQSDĐ số U 721279 ngày 12/4/2002	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
2	Trụ sở Hợp tác xã Nông nghiệp Nghĩa Dũng, thôn 3 xã Nghĩa Dũng	142,6	142,6	142,2	Giấy CNQSDĐ số X 120688 ngày 25/9/2003	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
3	Nhà làm việc Công an xã, thôn 3 xã Nghĩa Dũng	246,9	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
4	Nhà văn hóa đội 4, thôn 1 xã Nghĩa Dũng	1.793,0	61,0	61,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
5	Nhà văn hóa thôn 2, thôn 2 xã Nghĩa Dũng	70,0	39,9	39,9	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
6	Nhà văn hóa đội 3, thôn 3 xã Nghĩa Dũng	363,6	50,6	50,6	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	Nhà văn hóa đội 5, thôn 3 xã Nghĩa Dũng	526,6	147,9	147,9	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
8	Nhà văn hóa đội 7, thôn 4 xã Nghĩa Dũng	1.359,6	93,0	93,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
9	Trường mẫu giáo đội 1, thôn 1 xã Nghĩa Dũng	852,0	107,5	107,5	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
10	Trường mẫu giáo đội 4, thôn 1 xã Nghĩa Dũng	498,0	93,2	93,2	Giấy CNQSDĐ số AL 343103 ngày 03/01/2008	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
11	Trường mẫu giáo thôn 2, thôn 2 xã Nghĩa Dũng	611,3	192,7	192,7	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
12	Trường mẫu giáo đội 5, thôn 3 xã Nghĩa Dũng	560,8	153,4	153,4	Giấy CNQSDĐ số AL 343101 ngày 03/01/2008	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
13	Trường mẫu giáo đội 6, thôn 4 xã Nghĩa Dũng	927,2	69,8	69,8	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
14	Trường mẫu giáo đội 7, thôn 4 xã Nghĩa Dũng	749,0	62,49	62,49	Giấy CNQSDĐ số AL 343102 ngày 03/01/2008	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
15	Sân vận động xã, thôn 3 xã Nghĩa Dũng	7.891,0	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở TTD-TT	Đang sử dụng		
12	UBND xã Tỉnh Khê	38.319,3	4.321,4	5.111,4					
1	Hội trường, nhà làm việc của MTTQ, các hội đoàn thể		228,0	456,0					
	Nhà làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã	9.006,5	281,0	843,0	Giấy CNQSDĐ số CP 583963 ngày 28/6/2019	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
	Nhà làm việc của Ban Công an xã		167,0	167,0					
	Nhà làm việc của Ban Chỉ huy Quân sự xã		172,0	172,0					
2	Nhà văn hóa xã tại Thôn Mỹ Lại	3.269,8	365,0	365,0	QĐ số 152a/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
3	Nhà thờ Trương Quang Giao tại Thôn Mỹ Lại	1.250,6	321,4	321,4	Không có hồ sơ	Nhà thờ	Đang sử dụng		

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sân sử dụng				
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9
4	Nhà truyền thống xã tại Thôn Mỹ Lại	1.126,5	199,0	199,0	QĐ số 82/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn Tư Cung	981,3	236,0	236,0	QĐ số 216/QĐ-UBND ngày 14/11/2017 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Nhà văn hóa thôn Mỹ Lại	2.268,8	236,0	236,0	QĐ số 15/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Nhà văn hóa thôn Trường Định	1.139,4	236,0	236,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Nhà văn hóa thôn Cổ Lũy	1.263,6	236,0	236,0	QĐ số 1415/QĐ-UBND ngày 20/7/2009 và QĐ số 1949/QĐ-UBND ngày 17/10/2007 của UBND huyện	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Chợ xã Tịnh Khê, thôn Mỹ Lại	3.180,8	1.550,0	1.550,0	QĐ số 75/QĐ-UBND ngày 24/04/2015 của UBND xã	Đất chợ	Đang sử dụng	
10	Sân Vận động Thôn Mỹ Lại	14.832,0	94,0	94,0	QĐ số 304/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND xã	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
13	UBND xã Tịnh An	24.287,8	3.285,7	3.767,4				
1	Trụ sở làm việc UBND xã, thôn Tân Mỹ	5.714,3	594,3	1.076,0	QĐ số 4282/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND TP	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Nhà cộng đồng phòng tránh thiên tai, thôn Ân Phú	2.014,3	276,7	276,7	Không có hồ sơ	Đất trồng cây lâu năm	Đang sử dụng	
3	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn Ngọc Thạch, xã Tịnh An	1.000,2	100,6	100,6	QĐ số 4320/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn Long Bàn	176,8	70,0	70,0	QĐ số 7886/QĐ-UBND ngày 25/10/2017; QĐ số 8108/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà sinh hoạt văn hóa thôn Tân Mỹ	611,1	100,6	100,6	QĐ số 3842/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Chợ Gò, thôn Long Bàn	1.772,4	1.517,0	1.517,0	QĐ số 210/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND xã	Đất Chợ	Đang sử dụng	
7	Sân vận động xã Tịnh An, thôn Tân Mỹ	6.833,5	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
8	Nghĩa trang xã Tịnh An, thôn Tân Mỹ	2.050,9	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất nghĩa trang	Đang sử dụng	
9	Dinh xã Tịnh An, thôn Long Bàn	339,0	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	Nhà văn hóa xã Tịnh An, thôn Tân Mỹ	3.775,3	626,5	626,5	QĐ số 1779a/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND TP	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
14	UBND xã Tịnh Hòa	20.492,0	2.303,0	2.836,0				
1	Nhà làm việc UBND xã Tịnh Hòa	3.420,0	726,0	1.259,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Hội trường UBND xã	2.534,0	583,0	583,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà					
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9
3	Nhà sinh hoạt thôn Trung Sơn	2.673,0	96,0	96,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Nhà Sinh hoạt thôn Xuân An	1.315,0	138,0	138,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà sinh hoạt thôn Diêm Điền	462,0	58,0	58,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Nhà sinh hoạt thôn Minh Quang	1.089,0	73,0	73,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Nhà sinh hoạt thôn Phú Mỹ	532,0	54,0	54,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Nhà sinh hoạt thôn Đồng Hòa	467,0	82,0	82,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Nhà sinh hoạt thôn Đồng Thuận	502,0	104,0	104,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	Hợp tác xã nông nghiệp Hòa Đông	633,0	65,0	65,0	Không có hồ sơ	Đất HTX	Đang sử dụng	
11	Chợ Đông Thuận	2.408,0	324,0	324,0	Không có hồ sơ	Đất chợ	Đang sử dụng	
12	Sân Vận Động xã Tĩnh Hòa	4.457,0	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở TTD-TT	Đang sử dụng	
15	UBND xã Tĩnh Ân Đông	32.901,0	1.434,9	1.632,4				
1	Trụ sở UBND xã, thôn Bình Đăng	3.565,0	593,0	790,5	Giấy CNQSDĐ số 120732 ngày 07/11/2003	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Phòng Tiếp công dân, thôn Bình Đăng	204,0	46,0	46,0	Giấy CNQSDĐ số 776732 ngày 31/7/2007	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
3	Nghĩa trang liệt sỹ, thôn Bình Đăng	1.280,0	36,0	36,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Nhà văn hóa thôn Hòa Bình	657,0	147,0	147,0	Giấy CNQSDĐ số 920418 ngày 21/9/2004	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn Hạnh Phúc	2.330,0	107,1	107,1	Giấy CNQSDĐ số 920693 ngày 21/9/2004	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Nhà văn hóa thôn Đoàn Kết	588,0	134,4	134,4	Giấy CNQSDĐ số 093716 ngày 21/9/2004	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Nhà văn hóa thôn Bình Đăng	746,0	98,3	98,3	Giấy CNQSDĐ số 920416 ngày 21/9/2004	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Nhà văn hóa thôn Độc Lập	806,0	150,0	150,0	Giấy CNQSDĐ số 920417 ngày 21/9/2004	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Nhà văn hóa thôn Tự Do	598,0	123,1	123,1	Giấy CNQSDĐ số 920419 ngày 21/9/2004	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	Sân vận động UBND xã	10.267,0	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số CT 02375 ngày 24/7/2013	Đất cơ sở TTD-TT	Đang sử dụng	
11	Sân vận động thôn Hạnh Phúc	6.663,0	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số CT 03354 ngày 24/7/2013	Đất cơ sở TTD-TT	Đang sử dụng	
12	Sân vận động thôn Tự Do	5.197,0	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số CT 03355 ngày 24/7/2013	Đất cơ sở TTD-TT	Đang sử dụng	
16	UBND xã Tĩnh Ân Tây	3.182,2	1.226,2	1.763,2				
1	Trụ sở UBND xã, thôn Cộng Hòa 2	1.478,0	569,0	1.106,0	Giấy CNQSDĐ số 02371 ngày 23/7/2013	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Nhà văn hoá thôn Cộng Hoà 2	105,8	105,8	105,8	Giấy CNQSDĐ số 02371 ngày 23/7/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
3	Nhà văn hoá thôn Độc Lập	124,6	124,6	124,6	Giấy CNQSDĐ số 02369 ngày 23/7/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Đình chợ thôn Cộng Hòa 2	177,0	177,0	177,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà văn hoá thôn Thống Nhất	514,3	159,0	159,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Nhà văn hoá thôn Cộng Hoà 1	782,5	90,8	90,8	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
17	UBND xã Tĩnh Kỳ	12.704,7	2.057,1	3.404,6				
1	Trụ sở làm việc UBND xã (cũ)	1.859,1	332,0	664,0	Giấy CNQSDĐ số CT 02045	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Trụ sở làm việc UBND xã (mới)	5.291,0	603,5	1.619,0	Chưa cấp GCNQSDĐ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
3	Nhà văn hóa thôn An Vĩnh	1.413,2	201,6	201,6	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Nhà văn hóa thôn An Kỳ	552,6	113,0	113,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn Kỳ Xuyên	1.049,5	102,0	102,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9
6	Trung tâm văn hóa, Thể thao xã Tịnh Kỳ	2.539,3	705,0	705,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
18	UBND xã Tịnh Thiện	41.104,5	1.776,2	2.176,2				
1	Trụ sở làm việc UBND xã	4.887,6	664,2	1.064,2	Giấy CNQSDĐ số 626995 ngày 18/9/2012	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Nhà văn hóa thôn Hòa Bản	3.168,1	161,0	161,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
3	Nhà văn hóa thôn Phú Vinh	1.007,1	161,0	161,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Nhà văn hóa thôn Khánh Lâm	750,0	161,0	161,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn Long Thành	847,0	161,0	161,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
6	Di tích thám sát đồng bào Khánh Lâm	1.018,8	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Di tích lịch sử	Đang sử dụng	
7	Sân vận động thôn Phú Vinh	5.019,3	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
8	Chợ Tịnh Thiện	1.432,5	398,0	398,0	Không có hồ sơ	Đất chợ	Đang sử dụng	
9	Nghĩa trang liệt sĩ	2.885,1	70,0	70,0	Không có hồ sơ	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đang sử dụng	
10	Sân vận động thôn Hòa Bản	9.120,0	0,0	0,0		Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
11	Sân vận động	10.969,0	0,0	0,0		Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
19	UBND xã Tịnh Châu	25.319,2	2.023,2	2.311,2				
1	Trụ sở làm việc UBND xã	1.775,0	697,0	985,0	Giấy CNQSDĐ số Q 352937 ngày 26/7/2000	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Nhà văn hóa xã	2.923,0	502,0	502,0	QĐ số 134/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
3	Nghĩa trang liệt sĩ	2.842,0	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đang sử dụng	
4	Nhà văn hóa thôn Phú Bình	1.118,0	130,5	130,5	QĐ số 85/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn Kim Lộc	403,4	121,5	121,5	QĐ số 84/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Nhà văn hóa thôn Mỹ Lộc	1.139,2	132,0	132,0	QĐ số 89/QĐ-UBND ngày 28/6/2016 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Nhà văn hóa thôn Lệ Thủy	904,1	136,2	136,2	QĐ số 83/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Nhà văn hóa xóm Sa Kiểu	336,0	60,0	60,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Nhà văn hóa xóm Phú Mỹ	1.089,0	244,0	244,0	QĐ số 73/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND xã	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
10	Sân vận động xã	8.088,0	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số BK 569735 ngày 12/11/2013	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng (Đất trống)	
11	Sân vận động thôn Kim Lộc	4.701,5	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số CT 03354 ngày 12/11/2013	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng (Đất trống)	
20	UBND xã Tịnh Long	19.323,0	1.377,0	1.607,0				

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng				
			Diện tích xây dựng						
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9	
1	Trụ sở làm việc UBND xã	6.052,3	400,0	630,0	Giấy CNQSDĐ số CT 09426 ngày 07/9/2017	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
2	Nhà văn hóa xã Tịnh Long	2.324,0	501,0	501,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
3	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn Gia Hòa	2.513,4	128,0	128,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
4	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn Tăng Long	765,0	127,0	127,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
5	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn An Lộc	642,4	105,0	105,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn An Đạo	505,5	116,0	116,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	Đình Sung Tích	1.039,2	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
8	Nghĩa trang liệt sĩ xã Tịnh Long	5.481,2	0,0	0,0	Không có hồ sơ	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đang sử dụng		
21	UBND xã Nghĩa Phú	14.589,0	1.739,0	1.919,0					
1	Trụ sở làm việc UBND xã	1.797,0	350,0	530,0	Giấy CNQSDĐ số T 00018 ngày 14/02/2000	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
2	Nhà Văn hóa xã tại thôn Thanh An (Phù Thọ)	2.554,0	680,0	680,0	Giấy CNQSDĐ số CK 190084 ngày 02/10/2017; QĐ số 617/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
3	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn Thanh An	408,0	177,0	177,0	Giấy CNQSDĐ số P 936731 ngày 14/02/2000	Đất cơ sở y tế	Đang sử dụng		
4	Nhà văn hóa thôn Cổ Lũy Nam	262,0	128,0	128,0	Giấy CNQSDĐ số U 817235 ngày 08/01/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
5	Điểm sinh hoạt văn hóa thôn Cổ Lũy Làng Cả	790,0	133,0	133,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	Điểm sinh hoạt văn hóa Thôn Cổ Lũy Bắc	568,0	171,0	171,0	Giấy CNQSDĐ số U 817235 ngày 08/01/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
7	Chợ mới tại Thôn Thanh An (Phù Thọ)	3.880,0	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số Q 352451 ngày 14/02/2000	Đất chợ	Đang sử dụng		
8	Nhà làm việc Công an xã tại Thôn Cổ Lũy Làng Cả	500,0	100,0	100,0	Không có hồ sơ	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
9	Nghĩa trang liệt sĩ tại Thôn Cổ Lũy Bắc	3.830,0	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số Q352451 ngày 14/02/2000	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đang sử dụng		
22	UBND xã Nghĩa Hà	21.912,9	2.205,8	3.031,8					
1	Trụ sở làm việc UBND xã	2.640,0	779,0	1.605,0	Giấy CNQSDĐ số 00001 ngày 12/5/1997	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng		
2	Nhà văn hóa xã tại Thôn Xuân An	3.623,0	157,1	157,1	Giấy CNQSDĐ số BK 626941 ngày 18/9/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
3	Nhà văn hóa Thôn Hội An	1.503,7	50,0	50,0	Giấy CNQSDĐ số CG 987269 ngày 26/9/2017	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
4	Nhà văn hóa Thôn Khánh Lạc	1.847,9	102,5	102,5	Không có hồ sơ	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
5	Nhà văn hóa Thôn Hiền Lương	2.272,5	50,0	50,0	Giấy CNQSDĐ số CG 987267 ngày 29/6/2017	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
6	Nhà văn hóa Thôn Hàm Long	446,5	115,0	115,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626938 ngày 19/9/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
7	Nhà văn hóa Thôn Sung Túc	424,4	90,0	90,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626942 ngày 18/9/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
8	Nhà văn hóa Thôn Thanh Kiệt	410,0	116,0	116,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626943 ngày 18/9/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
9	Nhà văn hóa Thôn Bình Đông	722,2	94,0	94,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626937 ngày 18/9/2013	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		
10	Nhà văn hóa Thôn Xuân An	1.454,7	115,0	115,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626941 ngày 18/9/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng		

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
		3	4a	4b				
1	2				5	6	7	9
11	Nhà văn hóa Thôn Bình Tây	2.239,4	132,7	132,7	Giấy CNQSDĐ số BK 626940 ngày 18/9/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
12	Nhà văn hóa Thôn Kim Thạch	1.103,0	102,0	102,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626939 ngày 18/9/2012	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
13	Nhà văn hóa Thôn Hồ Tiểu	550,6	110,0	110,0	Giấy CNQSDĐ số CG 987268 ngày 26/9/2017	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
14	Chợ xã Nghĩa Hà	2.675,0	192,5	192,5	Không có hồ sơ	Đất chợ	Đang sử dụng	
23	UBND xã Nghĩa An	20.820,7	1.486,8	2.032,8				
1	Trụ sở Khối UBND xã	2.540,0	259,0	518,0	Giấy CNQSDĐ số E 0123476 ngày 17/02/1997	Đất trụ sở cơ quan	Đang sử dụng	
2	Trụ sở Khối Đảng ủy xã và các hội đoàn thể		366,3	653,3				
2	Nghĩa trang liệt sĩ xã	1.490,0	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số E 0123476 ngày 17/02/1997	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đang sử dụng	
3	Nhà văn hóa thôn Phổ Trung	237,0	122,21	122,21	Giấy CNQSDĐ số CN 095502 ngày 10/7/2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
4	Nhà văn hóa thôn Tân Mỹ	449,7	128,0	128,0	Giấy CNQSDĐ số CN 135199 ngày 10/4/2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
5	Nhà văn hóa thôn Tân An	664,6	90,0	90,0	Giấy CNQSDĐ số CN 013850 ngày 19/3/2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
6	Nhà văn hóa thôn Phổ Trường	509,2	116,0	116,0	Giấy CNQSDĐ số CN 095501 ngày 10/7/2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
7	Nhà văn hóa thôn Tân Thạnh	607,6	171,3	171,3	Giấy CNQSDĐ số CN 135200 ngày 10/7/2018	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
8	Nhà văn hóa thôn Phổ An	1.494,0	234,0	234,0	Giấy CNQSDĐ số AL 343167 ngày 18/3/2008	Đất cơ sở văn hóa	Đang sử dụng	
9	Đất chợ Thôn Phổ An	465,8	0,0	0,0	Đất chợ		Đang sử dụng	
10	Đất thể dục thể thao Thôn Tân Mỹ	5.769,4	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số BK 569177 ngày 21/01/2013	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
11	Đất thể dục thể thao Thôn Phổ Trung	6.182,1	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số BK 569179 ngày 21/01/2013	Đất cơ sở TD-TT	Đang sử dụng	
12	Chợ Tân Mỹ cũ	411,3	0,0	0,0	Giấy CNQSDĐ số BK 569178 ngày 21/01/2013	Đất chợ	Đang sử dụng	
V	CÁC TRƯỜNG	585.172,2	113.053,6	202.497,0	Không có hồ sơ			
1	Trường Mầm non Tịnh Hòa	3.474,0	2.102,0	1.199,0				
1	Cơ sở thôn Đồng Thuận, xã Tịnh Hòa	2.257,0	1.842,0	939,0	Giấy CNQSDĐ số AH 887449 ngày 20/10/2008	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở Thôn Minh Quang, xã Tịnh Hòa	692,0	130,0	130,0	Giấy CNQSDĐ số BE 034622 ngày 24/02/2012	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Cơ sở Thôn Xuân An, xã Tịnh Hòa	525,0	130,0	130,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Trường Mầm non Tịnh An Tây	3.417,0	1.359,0	2.676,0				
1	Cơ sở thôn Thống Nhất	2.159,0	1.317,0	2.634,0	QĐ số 255/QĐ-UBND ngày 01/6/2016 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở thôn Độc Lập 10	1.258,0	42,0	42,0	Giấy CNQSDĐ số 120148 ngày 08/5/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Trường Mầm non Tịnh Thiện	3.032,0	240,0	240,0				
1	Cơ sở tại thôn Long Thành, xã Tịnh Thiện	3.032,0	240,0	240,0	QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 16/01/2009 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
4	Trường Mầm non Nghĩa Dũng	6.595,0	1.965,0	3.930,0		Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng					
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9	
1	Cơ sở tại thôn 3, xã Nghĩa Dũng	6.595,0	1.965,0	3.930,0	QĐ số 1904/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 của UBND TP	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
5	Trường Mầm non Nguyễn Nghiêm	726,5	419,0	1.700,0					
1	Cơ sở tại số 445 Quang Trung, phường Nguyễn Nghiêm	726,5	419,0	1.700,0	Giấy CNQSDĐ số AG 451668 ngày 06/12/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
6	Trường Mầm Non Tịnh Khê	3.924,5	823,7	1.447,0					
1	Cơ sở tại Khê Thuận - Tư Cung, xã Tịnh Khê	344,0	200,4	200,4	Trích lục bản đồ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
2	Cơ sở tại Khê Ba - Mỹ Lại, xã Tịnh Khê	3.580,5	623,3	1.246,6	Giấy CNQSDĐ số BA 849485 ngày 11/01/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
7	Trường Mầm non Tịnh An	6.826,0	883,3	883,3					
1	Cơ sở tại Thôn Long Bàn	5.137,0	652,0	652,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
2	Cơ sở tại Thôn Tân Mỹ	627,0	171,3	171,3	Giấy CNQSDĐ số BE 059301 ngày 18/7/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
3	Cơ sở tại Thôn Ân Phú	1.062,0	60,0	60,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059300 ngày 18/7/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
8	Trường Mầm non Nghĩa Hà	8.135,6	1.269,2	1.269,2					
1	Cơ sở tại thôn Kim Thạch	2.219,0	476,0	476,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626917 ngày 30/8/2012	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
2	Cơ sở tại thôn Hồ Tiểu	2.804,7	478,2	478,2	Giấy CNQSDĐ số BO 515100 ngày 27/9/2013	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
3	Cơ sở tại thôn Khánh Lạc	3.111,9	315,0	315,0	Giấy CNQSDĐ số BH 717734 ngày 25/11/2016	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
9	Trường Mầm non Tịnh Ân Đông	2.426,0	485,0	485,0					
1	Cơ sở tại thôn Bình Đăng	2.426,0	485,0	485,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
10	Trường Mầm non Tịnh Châu	2.135,0	623,0	1.118,5					
1	Cơ sở tại thôn Phú Bình	1.480,0	523,0	1.018,5	Giấy CNQSDĐ số BR089008 ngày 24/4/2014	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
2	Cơ sở tại thôn Kim Lộc	655,0	100,0	100,0	Giấy CNQSDĐ số BK 569765 ngày 12/11/2013	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
11	Trường Mầm non Tịnh Long	4.615,4	838,0	1.676,0					
1	Cơ sở tại thôn Tăng Long	4.615,4	838,0	1.676,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
12	Trường Mầm non Chánh Lộ	3.061,0	1.199,0	1.199,0					

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà						
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng					
			4a	4b					
1	2	3				5	6	7	9
1	Cơ sở tại hẻm 308 Phan Đình Phùng	856,6	394,0	394,0		Giấy CNQSDĐ số AE 235706 ngày 27/6/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại số 07 Võ Hân	2.204,4	805,0	805,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
13	Trường Mầm non 19/5	2.672,0	1.246,0	2.503,8					
1	Cơ sở tại số 355 Hùng Vương	2.672,0	1.246,0	2.503,8		Giấy CNQSDĐ số BA 849487 ngày 09/12/2010	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
14	Trường Mầm non Lê Hồng Phong	3.935,7	1.221,0	2.442,0					
1	Cơ sở 1 tại tổ 10 phường Lê Hồng Phong	2.841,5	739,0	1.478,0		Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở 2 tại số 19 đường Võ Tùng	1.094,2	482,0	964,0		Giấy CNQSDĐ số T00247 ngày 06/3/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
15	Trường Mầm non Bình Minh	3.244,3	2.297,3	4.953,0					
1	Cơ sở tại số 76 Phan Đình Phùng	1.527,0	580,0	2.324,0		Giấy CNQSDĐ số Đ 093692 ngày 08/9/2004	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại số 74/2 Phan Đình Phùng	1.717,3	1.717,3	2.629,0		Giấy CNQSDĐ số AM 239063 ngày 06/6/2008	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
16	Trường Mầm non Nghĩa Đồng	6.139,6	897,5	1.795,0					
1	Cơ sở tại Đội 5, thôn 3, xã Nghĩa Đồng	5.528,3	687,5	1.375,0		QĐ số 242/QĐ-UBND ngày 05/8/2015 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại Đội 2, thôn 2, xã Nghĩa Đồng	611,3	210,0	420,0		Giấy CNQSDĐ số X 120084 ngày 19/5/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
17	Trường Mầm non Trương Quang Trọng	4.989,0	2.323,4	4.646,8					
1	Cơ sở tại số 120 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng	3.284,0	1.976,4	3.952,8		Giấy CNQSDĐ số AĐ 215298 ngày 26/4/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại 504 Nguyễn Văn Linh, phường Trương Quang Trọng	1.705,0	347,0	694,0		Giấy CNQSDĐ số X 120145 ngày 15/5/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
18	Trường Mầm non Nghĩa Lộ	1.071,2	518,0	1.364,0					
1	Cơ sở tại 522 Nguyễn Công Phương	1.071,2	518,0	1.364,0		Giấy CNQSDĐ số BO 515099 ngày 27/9/2013	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
19	Trường Mầm non Nghĩa Phú	6.694,6	1.322,1	2.352,1					
1	Cơ sở 1, Thôn Cổ Lũy Bắc	2.443,6	618,0	948,0		Giấy CNQSDĐ số BR 047926 ngày 07/10/2014	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở 2, Thôn Cổ Lũy Bắc	4.251,0	704,1	1.404,1		Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
20	Trường Mầm non Tịnh Kỳ	1.770,0	1.270,0	1.470,0					

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà					
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
/	2	3	4a	4b	5	6	7	9
1	Cơ sở tại thôn An Kỳ	1.770,0	1.270,0	1.470,0	Giấy CNQSDĐ số CB 090357 ngày 28/01/2015	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
21	Trường Mầm non Quảng Phú	4.872,0	527,8	855,7				
1	Cơ sở 1 tổ 16, phường Quảng Phú	4.020,0	327,8	655,7	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở 2 tổ 17, phường Quảng Phú	852,0	200,0	200,0	QĐ số 1025/QĐ-CT ngày 19/5/2004 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
22	Trường Mầm non 2/9	4.465,0	1.287,0	2.751,0				
1	Cơ sở tại 09 Nguyễn Chánh	2.162,0	596,0	1.332,0	Giấy CNQSDĐ số T 00051 ngày 31/10/2001	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại 212B Nguyễn Tự Tân	2.303,0	691,0	1.419,0	QĐ số 394/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
23	Trường Mầm non Hoa Hồng	5.469,0	1.297,4	3.512,1				
1	Cơ sở tại Tổ 4 phường Nghĩa Chánh	1.847,0	240,0	480,0	Giấy CNQSDĐ số AG 451718 ngày 25/01/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại Tổ 18 phường Nghĩa Chánh	732,0	140,0	280,0	Giấy CNQSDĐ số CB 090036 ngày 30/3/2016	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Cơ sở tại Tổ 5 phường Nghĩa Chánh	2.890,0	917,4	2.752,1	Giấy CNQSDĐ số CR 754949 ngày 15/7/2019	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
24	Trường Mầm non Nghĩa An	4.753,1	1.224,0	1.224,0				
1	Cơ sở tại thôn Phố Trung	2.824,1	816,0	816,0	Giấy CNQSDĐ số BR 047925 ngày 03/12/2014	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại thôn Phố Trường	529,0	136,0	136,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Cơ sở tại thôn Tân Mỹ	1.400,0	272,0	272,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
25	Trường Tiểu học Nghĩa Đông	5.363,0	1.004,0	2.008,0				
1	Cơ sở tại thôn 3 xã Nghĩa Đông	5.363,0	1.004,0	2.008,0	QĐ công nhận quyền SDD số 4700/QĐ-UBND ngày 22/11/1999; số 986/QĐ-UBND ngày 12/4/2002 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
26	Trường Tiểu học số 1 Trường Quang Trung	7.931,0	1.792,8	2.550,0				
1	Cơ sở tại TDP Trường Thọ Đông B, phường Trường Quang Trung	7.931,0	1.792,8	2.550,0	QĐ số 1133/QĐ-UBND ngày 12/8/1995 của UBND tỉnh; Giấy CNQSDĐ số BK 646159 ngày 26/7/2012	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
27	Trường Tiểu học Nguyễn Nghiêm	11.045,0	1.862,7	3.725,3				

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9
1	Cơ sở tại 114 Lê Trung Đình, phường Nguyễn Nghiêm	11.045,0	1.862,7	3.725,3	QĐ số 2197/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của UBND tỉnh; Giấy CNQSDĐ số CK190086 ngày 10/10/2017	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
28	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	4.393,6	1.474,6	2.949,2				
1	Cơ sở tại 80 Nguyễn Tự Tân, phường Trần Hưng Đạo	4.393,6	1.474,6	2.949,2	Giấy CNQSDĐ số BE 059354 ngày 30/6/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
29	Trường Tiểu học Tịnh An Tây	13.354,5	1.468,0	2.152,0				
1	Cơ sở 1 phân hiệu Cộng Hòa	6.130,0	1.019,0	1.254,0			Đang sử dụng	
2	Cơ sở 2 phân hiệu Thống Nhất	1.585,5	225,0	450,0	Giấy CNQSDĐ số 352313 ngày 20/7/2000	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Cơ sở 3 phân hiệu Độc Lập	5.639,0	224,0	448,0			Đang sử dụng	
30	Trường Tiểu học Tịnh Khê	20.009,2	3.027,3	3.361,0				
1	Phân hiệu Trung tâm, Thôn Mỹ Lai, xã Tịnh Khê	8.188,9	1.248,0	1.248,0	Giấy CNQSDĐ số BE 059063 ngày 07/3/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Phân hiệu Thôn Trương Định, xã Tịnh Khê	6.804,4	1.050,8	1.050,8	Giấy CNQSDĐ số AE 235781 ngày 8/8/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Phân hiệu Thôn Cổ Lũy, xã Tịnh Khê	5.015,9	728,5	1.062,2	Giấy CNQSDĐ số BE 059064 ngày 07/3/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
31	Trường Tiểu học Nghĩa Chánh	12.560,0	1.456,3	3.073,2				
1	Cơ sở tại Tổ 2 phường Nghĩa Chánh	4.100,0	510,2	1.374,7	Giấy CNQSDĐ số U 721235 ngày 22/5/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại Tổ 14 phường Nghĩa Chánh	8.460,0	946,1	1.698,5	Giấy CNQSDĐ số AM 239087 ngày 14/7/2008	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
32	Trường Tiểu học Tịnh Kỳ	6.760,0	1.460,4	2.920,7				
1	Cơ sở tại xã Tịnh Kỳ	6.760,0	1.460,4	2.920,7	Giấy CNQSDĐ số Đ 043522 ngày 31/3/2004	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
33	Trường Tiểu học Quảng Phú 2	4.981,0	1.760,0	1.760,0				
1	Cơ sở tại 324 Hoàng Văn Thụ	4.981,0	1.760,0	1.760,0	Giấy CNQSDĐ số O 339740 ngày 13/9/2000	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
34	Trường Tiểu học Tịnh An	7.662,4	2.084,0	4.040,0				
1	Cơ sở 1 tại thôn Ngọc Thạch, Xã Tịnh An	2.053,8	900,0	1.800,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626755 ngày 06/11/2012	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở 2 tại thôn Long Bàn, Xã Tịnh An	5.608,6	1.184,0	2.240,0	Giấy CNQSDĐ số BK 626754 ngày 06/11/2012	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
35	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	5.484,6	1.196,0	2.392,0				
1	Cơ sở tại Hẻm 64/11 Quang Trung	5.484,6	1.196,0	2.392,0	Giấy CNQSDĐ số Q 352735 ngày 19/4/2000	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng				
			Diện tích xây dựng						
1		2	3	4a	4b	5	6	7	9
36	Trường Tiểu học Tịnh Hòa		22.141,0	2.946,6	4.779,0				
1	Cơ sở tại thôn Hòa Thuận, xã Tịnh Hòa		8.416,0	1.522,6	2.560,0	Giấy CNQSDĐ số CT 716314 ngày 22/5/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại thôn Quang Mỹ, Xã Tịnh Hòa		11.070,0	1.140,0	1.935,0	Giấy CNQSDĐ số W 234560 ngày 26/6/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Cơ sở tại thôn Xuân An, Xã Tịnh Hòa		2.655,0	284,0	284,0	Giấy CNQSDĐ số X 120010 ngày 14/10/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
37	Trường Tiểu học số 2 Trương Quang Trọng		8.995,8	643,2	1.286,4				
1	Cơ sở tại phường Trương Quang Trọng		8.995,8	643,2	1.286,4	Giấy CNQSDĐ số BK 569261 ngày 09/5/2013	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
38	Trường Tiểu học Nghĩa Hà		21.767,7	2.407,7	3.918,4				
1	Cơ sở Đông Hà, Thôn Thanh Khiết, xã Nghĩa Hà		11.386,0	753,0	1.506,0	Giấy CNQSDĐ số 052638 ngày 14/01/2004	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở Tây Hà, Thôn Kim Thạch, xã Nghĩa Hà		6.896,0	880,7	1.308,4	Giấy CNQSDĐ số H 179955 ngày 12/5/1997	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Cơ sở Nam Hà, Thôn Khánh Lạc, xã Nghĩa Hà		3.485,7	774,0	1.104,0	Giấy CNQSDĐ số O 248685 ngày 02/02/1999; Giấy CNQSDĐ số BK 626765 ngày 09/11/2012	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
39	Trường Tiểu học Trần Phú		7.854,0	1.326,4	3.135,4				
1	Cơ sở tại số 104 Trương Định		7.854,0	1.326,4	3.135,4	Giấy CNQSDĐ số AI 434500 ngày 24/5/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
40	Trường Tiểu học Nghĩa Lộ		16.664,0	2.322,8	4.045,5				
1	Cơ sở tại Hẻm 196 Trần Hưng Đạo		4.184,0	468,0	936,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại 35 Lê Quý Đôn		12.480,0	1.854,8	3.109,5	QĐ số 1690/QĐ-CT ngày 20/7/2004 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
41	Trường Tiểu học Quảng Phú 1		11.333,0	2.979,4	5.618,9				
1	Cơ sở tại đường Nguyễn Thông		11.333,0	2.979,4	5.618,9	Giấy CNQSDĐ số Q 352683 ngày 05/5/2000	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
42	Trường Tiểu học Tân Mỹ		4.260,0	1.102,0	2.204,0				
1	Cơ sở tại Thôn Tân Mỹ, xã Nghĩa An		4.260,0	1.102,0	2.204,0	Giấy CNQSDĐ số E 3123471 ngày 31/01/1997	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
43	Trường Tiểu học Nghĩa Dũng		9.000,0	1.448,6	2.897,1				
1	Cơ sở tại Thôn 2, xã Nghĩa Dũng		9.000,0	1.448,6	2.897,1	Giấy CNQSDĐ số BA 849284 ngày 30/7/2010	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
44	Trường Tiểu học Chánh Lộ		11.096,7	1.595,2	3.622,4				

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà					
			Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
1	2	3	4a	4b	5	6	7	9
1	Cơ sở tại 366 Phan Đình Phùng	6.716,0	1.379,2	3.190,4	Giấy CNQSDĐ số BK 569623 ngày 31/10/2013	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại Tổ 7 phường Chánh Lộ	4.380,7	216,0	432,0	Giấy CNQSDĐ số CP 577786 ngày 28/6/2019	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
45	Trường Tiểu học Phổ An	4.580,0	1.152,0	1.490,0				
1	Cơ sở tại thôn Phổ Trường, xã Nghĩa An	3.580,0	832,0	1.170,0	Giấy CNQSDĐ số E 0123470 ngày 31/11/1997	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở tại thôn Phổ Trung, xã Nghĩa An	1.000,0	320,0	320,0	Giấy CNQSDĐ số E 0123470 ngày 31/11/1997	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
46	Trường THCS Quảng Phú	18.744,0	8.161,8	12.791,3				
1	Cơ sở 1 tại số 179 Nguyễn Thụy, phường Quảng Phú	3.600,0	1.127,0	1.881,0	Giấy CNQSDĐ số CB 107901 ngày 29/12/2015	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở 2 tại số 20 Bùi Tá Hán, phường Quảng Phú	15.144,0	7.034,8	10.910,3	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
47	Trường THCS Trần Hưng Đạo	9.340,0	3.988,0	8.300,0				
1	Cơ sở 1 tại số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Trần Hưng Đạo	7.532,0	3.140,0	6.604,0	Giấy CNQSDĐ số X 120065 ngày 08/6/2003; QĐ số 2906/QĐ-CT ngày 30/9/1997 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở 2 tại số 99 Hùng Vương, phường Trần Hưng Đạo	1.808,0	848,0	1.696,0	QĐ số 1020/QĐ-UBND ngày 13/6/2016 của UBND tỉnh, QĐ số 10823/QĐ-UBND của UBND TP	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
48	Trường THCS Nghĩa Chánh	7.776,0	991,5	2.235,0				
1	Cơ sở tại phường Nghĩa Chánh	7.776,0	991,5	2.235,0	Giấy CNQSDĐ số U 721281 ngày 28/3/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
49	Trường THCS Võ Bẩm	7.513,0	2.477,8	6.156,0				
1	Cơ sở tại xã Tịnh Khê	7.513,0	2.477,8	6.156,0	Giấy CNQSDĐ số BA 849411 ngày 02/12/2010	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
50	Trường THCS Tịnh An	9.388,0	1.356,0	2.712,0				
1	Cơ sở tại thôn Tân Mỹ, xã Tịnh An	9.388,0	1.356,0	2.712,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
51	Trường THCS Tịnh Kỳ	5.598,0	2.525,0	5.050,0				
1	Cơ sở tại thôn An Kỳ, xã Tịnh Kỳ	5.598,0	2.525,0	5.050,0	Giấy CNQSDĐ số H 179872 ngày 15/10/1998	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
52	Trường THCS Nghĩa Lộ	5.301,0	1.069,0	2.138,0				
1	Cơ sở tại số 286 Nguyễn Công Phương	5.301,0	1.069,0	2.138,0	Giấy CNQSDĐ số T 00165 ngày 21/9/2004	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)				Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Nhà		Diện tích sàn sử dụng				
			Diện tích xây dựng						
1		3	4a	4b	5	6	7	9	
53	Trường THCS Lê Hồng Phong	9.940,2	616,0	1.232,0					
1	Cơ sở tại số 54 Nguyễn Cư Trinh	9.940,2	616,0	1.232,0	Giấy CNQSDĐ số X 120068 ngày 22/5/2003	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
54	Trường THCS Nghĩa An	15.000,0	1.088,0	1.824,0					
1	Cơ sở tại thôn Tân An, xã Nghĩa An	15.000,0	1.088,0	1.824,0	Giấy CNQSDĐ số H 0123474 ngày 17/02/1997; Giấy CNQSDĐ số W 203218 ngày 19/12/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
55	Trường THCS Nguyễn Cát	9.103,0	1.885,0	2.821,3					
1	Cơ sở tại xã Tịnh Hòa	9.103,0	1.885,0	2.821,3	Giấy CNQSDĐ số AG 451719 ngày 25/01/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
56	Trường THCS Nghĩa Dũng	12.339,0	1.104,0	2.208,0					
1	Cơ sở tại thôn 2 xã Nghĩa Dũng	12.339,0	1.104,0	2.208,0	Giấy CNQSDĐ số BA 849294 ngày 16/8/2010	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
57	Trường THCS Nghĩa Hà	10.856,0	1.414,0	2.492,0					
1	Cơ sở tại thôn Hàm Long, xã Nghĩa Hà	10.856,0	1.414,0	2.492,0	Giấy CNQSDĐ số Đ 052639 ngày 12/05/1997 và K 021601 ngày 14/01/2004	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
58	Trường THCS Nghĩa Đông	7.930,0	1.560,0	2.500,0					
1	Cơ sở tại thôn 3 xã Nghĩa Đông	7.930,0	1.560,0	2.500,0	Giấy CNQSDĐ số Q 361762 ngày 13/7/2000	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
59	Trường THCS Nguyễn Nghiêm	5.631,0	1.439,8	3.613,0					
1	Cơ sở tại 72 Phan Chu Trinh	5.631,0	1.439,8	3.613,0	Giấy CNQSDĐ số U 721305 ngày 15/3/2002	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
60	Trường THCS Tịnh An Tây	11.026,0	1.872,2	2.499,8					
1	Cơ sở tại xã Tịnh An Tây	11.026,0	1.872,2	2.499,8	Giấy CNQSDĐ số H 179876 ngày 28/12/1999; QĐ số 74/QĐ-UBND ngày 08/5/2008 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
61	Trường THCS Trương Quang Trọng	11.611,2	3.309,3	6.618,6					
1	Cơ sở tại phường Trương Quang Trọng	11.611,2	3.309,3	6.618,6	Giấy CNQSDĐ số BK 626903 ngày 10/10/2012	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
62	Trường THCS Trần Phú	9.648,4	1.890,8	4.588,2					
1	Cơ sở tại số 34 Tổ Hữu	9.648,4	1.890,8	4.588,2	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
63	Trường THCS Chánh Lộ	8.200,0	1.788,0	3.576,0					
1	Cơ sở tại số 233 Võ Thị Sáu	8.200,0	1.788,0	3.576,0	Giấy CNQSDĐ số AB 301685 ngày 30/9/2005; Giấy CNQSDĐ số AI 776665 ngày 29/10/2007	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng		
64	Trường TH & THCS Lê Trung Đình	13.756,7	1.360,0	2.719,9					

ST T	Đơn vị/Địa chỉ nhà đất	Diện tích (m ²)			Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng của cơ sở nhà, đất	Hiện trạng sử dụng	Ghi chú
		Đất	Diện tích xây dựng	Diện tích sàn sử dụng				
			4a	4b				
1	2	3			5	6	7	9
1	Cơ sở bậc Tiểu học tại thôn Bình Đăng, xã Tịnh Ấn Đông	5.638,9	711,5	1.422,9	Giấy CNQSDĐ số Đ 920694 ngày 21/9/2004	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở bậc THCS tại thôn Bình Đăng, xã Tịnh Ấn Đông	8.117,8	648,5	1.297,0	Giấy CNQSDĐ số CT 268754 ngày 28/6/2019	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
65	Trường TH & THCS Nghĩa Phú	16.233,0	1.392,0	2.438,0				
1	Cơ sở bậc Tiểu học tại thôn cổ Lũy Nam, xã Nghĩa Phú	10.000,0	794,0	1.242,0	Giấy CNQSDĐ số T00021 QSDĐ/387/QĐ-UB	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở bậc THCS tại xã Nghĩa Phú tại thôn cổ Lũy Bắc, xã Nghĩa Phú	6.233,0	598,0	1.196,0	Giấy CNQSDĐ số AI 776625; Giấy CNQSDĐ số P 936729	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
66	Trường TH & THCS Trần Quý Hai	19.935,0	1.668,0	3.116,0				
1	Cơ sở bậc Tiểu học tại thôn Phú Bình, xã Tịnh Châu	9.412,0	760,0	1.208,0	QĐ số 873/QĐ-UB ngày 17/4/1997 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở bậc THCS tại thôn Phú Bình, xã Tịnh Châu	10.523,0	908,0	1.908,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
67	Trường TH & THCS Trần Văn Trà	20.213,8	3.346,1	5.969,2				
1	Cơ sở bậc Tiểu học tại phân hiệu trung tâm tại Thôn Tăng Long, xã Tịnh Long	10.000,0	1.240,0	2.480,0	QĐ số 3918/QĐ-UB ngày 30/12/1996 của UBND tỉnh	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở bậc Tiểu học tại phân hiệu thôn An Lộc, xã Tịnh Long	1.300,0	622,0	1.244,0	Không có hồ sơ	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
3	Cơ sở bậc THCS tại Thôn Tăng Long, xã Tịnh Long	8.913,8	1.484,1	2.245,2	Giấy CNQSDĐ số BE 059813 ngày 09/11/2011	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
68	Trường TH & THCS Tịnh Thiện	24.409,0	2.604,0	3.278,0				
1	Cơ sở bậc Tiểu học tại Thôn Long Thành, xã Tịnh Thiện	12.168,0	1.344,0	1.344,0	Giấy CNQSDĐ số N 042002 ngày 09/01/1999	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	
2	Cơ sở bậc THCS tại Thôn Long Thành, xã Tịnh Thiện	12.241,0	1.260,0	1.934,0	Giấy CNQSDĐ số I 008017 ngày 23/6/1997; QĐ số 2171/QĐ-UBND ngày 18/9/2006	Đất cơ sở giáo dục	Đang sử dụng	